TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 53 /2022/DS-ST
Ngày: 01-12-2022
V/v *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Bà Hoàng Thị Huyến.

Từ ngày 28-11-2022 đến ngày 01-12-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 4 tháng 1 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H – sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: A chung cư A, đường B, phường T, quận 7, TPHCM; Nơi ở hiện nay: 8B T, phường A, quận T, TPHCM. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Tăng Vĩnh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng nhà thép K; địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Mai Lưu P, sinh năm 1987; Địa chỉ: khối B, chung cư A, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị Ngọc H1, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: chung cư A đường B, phường T, quận 7, TPHCM; Nơi ở hiện nay: phường A, quận T, TPHCM. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày: Vào ngày 02/04/2019 ông Tăng Vĩnh T có đến nhà của ông H tại Chung cư A đường B, phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, hỏi mượn ông H số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), lý do là để thanh toán tiền mua cát san lấp cho công trình của ông T ở quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, ông T cam kết trả lại trong 30 ngày và cho biết khách hàng chuẩn bị trả tiền cho ông T. Ông T yêu cầu ông H chuyển 940 triệu vào tài khoản của ông T và cho lại ông H 60 triệu đồng vì sự giúp đỡ này cũng như các việc khác. Ông H đưa ông T sổ công tác để ông T tự ghi xác nhận việc mượn số tiền trên, tuy nhiên ông T không ghi tên người cho mượn tiền là do ông T chủ động, ông H sơ ý vì sự tin tưởng và hình thức thanh toán qua ngân hàng. Toàn văn bản giấy nhận nợ là chữ viết và chữ kí của ông T, do ông T tự viết. Ngày 05/04/2019 vợ ông H là bà Cao Thị Ngọc H1 giúp ông H chuyển 940.000.000đ vào tài khoản của ông T như ông T yêu cầu. (Tên chủ tài khoản: Tăng Vĩnh T, số tài khoản 050007303723 tại ngân hàng Sacombank chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu)

Đến hạn đã hứa phải hoàn trả tiền mượn là ngày 02.5.2019 ông Tăng Vĩnh T không trả như đã hẹn. Dù nhiều lần yêu cầu nhưng ông T không trả, ông H cũng nhiều lần tìm ông T nhưng đều không gặp ông T.

Tại đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại tòa án ông H yêu cầu giải quyết như sau:

1- Buộc ông Tăng Vĩnh T hoàn trả lại cho ông H số tiền đã mượn là 1.000.000.000đ đồng như giấy nhận nợ. Ông H chỉ yêu cầu ông T trả số nợ trên chứ không yêu cầu vợ ông T cùng trả vì ông H cho rằng đây là số tiền ông T mượn để trang trải cho việc làm ăn riêng của ông T, lúc mượn chỉ có một mình ông T đứng ra mượn ông H.

2- Yêu cầu bồi thường: Buộc ông Tăng Vĩnh T bồi thường thiệt hại tài chính theo qui định bằng 1.5 lần lãi suất ngân hàng thấp nhất, bình quân năm 2019, năm 2020 là 8-8.5% (tương đương 12%/ năm) đối với số tiền đã mượn là 1 tỷ, thời gian tính đến thời điểm Ông T thực hiện trả số tiền 1 tỷ nói trên nếu thời điểm hoàn trả trước khi mở phiên tòa, hoặc tính đến điểm tuyên án.

Tại phiên tòa ông H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là rút lại phần yêu cầu bồi thường.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông T hoàn toàn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H bởi vì như sau: Ông T là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Nhà thép K (gọi tắt Nhà Thép K) và ông Nguyễn Hoàng H là Phó giám đốc Công ty TNHH Nguồn Á Châu. Ông T và ông H quen biết nhau từ khi còn học cấp ba tại Bến Tre (khoảng năm 1991-1992). Ông H đại diện Công ty TNHH Nguồn Á Châu đã trao đổi qua email, điện thoại, tin nhắn để yêu cầu Công ty Nhà Thép K thực hiện xây dựng xưởng may xuất khẩu Bến Tre cho Công ty Nguồn Á Châu. Trong hai năm 2016, 2017 Công ty Nhà Thép K đã thực hiện theo các yêu cầu của ông H là đại diện Công ty Nguồn Á Châu và Công ty Nguồn Á Châu còn nợ Công ty Nhà Thép K tổng số tiền khoảng 730.902.000 VNĐ (Bảy trăm ba

mươi triệu, chín trăm lẻ hai ngàn đồng). Năm 2019, ông H tiếp tục yêu cầu ông T cho Công ty Nhà Thép K thực hiện xây dựng Xưởng may xuất khẩu Bến Tre. Nhưng do Công ty Nguồn Á Châu còn nợ Công ty Nhà Thép K số tiền rất lớn và trong thời gian dài. Do đó, ông T đã yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền nợ của các hợp đồng trước đây và tạm ứng một khoản tiền để thực hiện hợp đồng tiếp theo. Ông H đồng ý và chuyển cho ông T 960.000.000 VNĐ (chín trăm sáu mươi triệu đồng). Trong đó có 730.000.000 VNĐ là số tiền nợ của các hợp đồng trước và 230.000.000 VNĐ là số tiền ông H chuyển trước để thực hiện Hợp đồng tiếp theo. Sau đó, ông T đã cho thực hiện và hoàn thành các yêu cầu của ông H tại Xưởng may xuất khẩu Bến Tre, Sau khi tổng hợp tất cả các công nợ của các hợp đồng thì tổng số tiền mà Công ty Nguồn Á Châu còn phải thanh toán cho Công ty Nhà thép K là: 1.035.910.245 VNĐ (Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm mười ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng Việt Nam).

Do hai bên là chỗ quen biết nên hai công ty cũng chưa ký hợp đồng chính thức. Sau khi Nhà Thép K đã hoàn thành xong các công việc thì ông T đã nhiều lần gửi và yêu cầu ông H ký hợp đồng chính thức, cũng như tính toán chính xác số tiền Nguồn Á Châu còn phải trả cho Nhà thép K sau khi trừ đi số tiền mà ông H đã chuyển cho ông T trước đây. Nhưng ông H lật lọng không chịu ký hợp đồng và nói ông T vay tiền cá nhân của ông H.

Vì vậy mà ông T đã đại diện Công ty Nhà Thép K khởi kiện Công ty Nguồn Á Châu tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để yêu cầu Công nhận các hợp đồng giữa Công ty Nguồn Á Châu và Công ty Nhà Thép K và thanh toán số tiền còn lại. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã thụ lý vụ án và đang giải quyết. Nay ông H lại khởi kiện cá nhân ông T ở Tòa án huyện Long Điền là không đúng vì Tòa án thành phố Bến Tre đang thụ lý giải quyết vụ án có liên quan đến số tiền mà ông H khởi kiện trong vụ án này. Ông H chuyển tiền cho ông T là để thanh toán số tiền mà Công ty Nguồn Á Châu còn thiếu và để tạm ứng cho việc thực hiện hợp đồng tiếp chứ đó không phải tiền vay cá nhân giữa ông T và ông H. Do đó, ông T không đồng ý các yêu cầu của ông H.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H, buộc ông Tăng Vĩnh T phải hoàn trả lại cho ông H số tiền đã mượn là 1.000.000.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Hoàng H.

Án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng H được chấp nhận nên cần buộc ông Tăng Vĩnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về **"hợp đồng vay tài sản**" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại Ấp A, xã N, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

- Về nợ gốc: Qua xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy ông Tăng Vĩnh T có viết giấy nhận nợ đề ngày 02-4-2019, số tiền mượn là 1.000.000.000đ, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày 02-4-2019, tài khoản mượn tiền là Tăng Vĩnh T ngân hàng Sacombank chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu-TK: 050007303723, giấy nhận nợ này không ghi tên người cho mượn tiền. Sau khi ông T viết giấy nhận nợ trên thì ngày 05-4-2019 bà Cao Thị Ngọc H1 là vợ ông H đã chuyển cho ông Tăng Vĩnh T số tiền 940.000.000đ vào số tài khoản của ông T như trong giấy nhận nợ. Việc chỉ chuyển 940.000.000đ này thay vì phải chuyển 1.000.000.000đ như giấy mượn tiền thì phía ông H cho rằng ông T thỏa thuận đưa lại cho ông H 60.000.000đ là tiền chi phí cho việc ông H đã giúp đỡ cho ông T mượn tiền và còn chi phí cho nhiều việc khác nữa, còn tiền mượn thực tế vẫn là 1.000.000.000đ. Tại các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông T cũng thừa nhận việc có mượn ông H số tiền 1.000.000.000đ và lý do ông H cho ông T mượn số tiền trên là để giải quyết các tình thế khó khăn cấp bách tại dự án xưởng may xuất khẩu Bến Tre, số tiền do bà Cao Thị Ngọc H1 là vợ ông H chuyển là 940.000.000đ đã trừ 60.000.000đ chi phí. Tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận ông H chỉ chuyển cho ông T 940.000.000đ vì phải trừ chi phí là 60.000.000đ nhưng số tiền thực mượn vẫn là 1.000.000.000đ. Như vậy việc việc ông Tăng Vĩnh T có mượn ông Nguyễn Hoàng H số tiền 1.000.000.000đ là có thật.

Tuy các đương sự đều thừa nhận việc ông T có mượn ông H số tiền 1.000.000.000đ nhưng ông T không đồng ý trả lại cho ông H số tiền trên với lý do số tiền này là tiền ông H phải thanh toán cho công ty của ông T trong các hợp đồng xây dựng tại Xưởng may xuất khẩu Bến Tre. Đồng thời hiện tại công ty của ông T là công ty TNHH TM&DV nhà thép K do ông Tăng Vĩnh T làm giám đốc đang khởi kiện các hợp đồng xây dựng đối với bị đơn là công ty TNHH Nguồn Á Châu mà công ty này là của ông H và số tiền 1.000.000.000đ này có liên quan đến các hợp đồng mà công ty TNHH TM&DV nhà thép K đang khởi kiện tại Tòa án thành phố Bến Tre.

Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa ngày hôm nay ông T không đưa ra được bất kì tài liệu chứng cứ nào chứng tỏ việc ông H đưa cho ông T số tiền 1.000.000.000đ là

số tiền ông H phải thanh toán cho công ty của ông T trong các hợp đồng xây dựng tại Xưởng may xuất khẩu Bến Tre. Ông T cũng không nêu ra được lý do chính đáng của việc ông T phải viết giấy mượn tiền trong khi ông T cho rằng số tiền 1.000.000.000đ là tiền công ty ông H thanh toán nợ cho công ty ông T. Tòa án cũng đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2020/KDTM ngày 19/10/2020 về việc "tranh chấp hợp đồng xây dựng" tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre mà công ty TNHH TM&DV nhà thép K do ông T làm giám đốc đang khởi kiện công ty TNHH Nguồn Á Châu và qua công văn số 261/CV-TA ngày 07-11-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thì thấy số tiền 1.000.000.000đ theo như đơn khởi kiện của ông H trong vụ án này không liên quan gì đến vụ án "tranh chấp hợp đồng xây dựng" mà Tòa án thành phố Bến Tre đang thụ lý giải quyết; mặt khác vụ án kinh doanh thương mại trên do Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đang thụ lý giải quyết không có đương sự tham gia tố tụng tên Nguyễn Hoàng H.

Như vậy việc ông Nguyễn Hoàng H khởi kiện yêu cầu ông Tăng Vĩnh T phải trả lại cho ông H số tiền 1.000.000.000đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về yêu cầu bồi thường: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án ông Nguyễn Hoàng H yêu cầu ông Tăng Vĩnh T bồi thường thiệt hại tài chính theo qui định bằng 1.5 lần lãi suất ngân hàng thấp nhất, bình quân năm 2019, năm 2020 là 8-8.5% (tương đương 12%/ năm) đối với số tiền đã mượn là 1 tỷ, thời gian tính đến thời điểm Ông T thực hiện trả số tiền 1 tỷ nói trên nếu thời điểm hoàn trả trước khi mở phiên tòa, hoặc tính đến điểm tuyên án. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày hôm nay ông H rút lại yêu cầu trên, việc rút yêu cầu là sự tự nguyên của đương sự nên được chấp nhận và cần đình chỉ đối với yêu cầu này của ông H

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng H được Tòa án chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Tăng Vĩnh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng H: Buộc ông Tăng Vĩnh T phải trả cho ông Nguyễn Hoàng H tổng số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại tài chính của ông Nguyễn Hoàng H.

3. Về án phí*:* Ông Tăng Vĩnh T phải nộp 42.000.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.800.000đ (hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008639 ngày 08-12-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01-12-2022); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự P thẩm.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thu Hiền